

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
(Ngày 29 tháng 12 năm 2025)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ THỊ LOAN**; Ngày tháng năm sinh: **20/01/1976**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Hoa Trạng Nguyên, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.**
- Nơi thường trú: **Đội 14, thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, TP Hà Nội.**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001176013783**
- Ngày cấp: **18/12/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ VĂN QUYẾT** Ngày tháng năm sinh: **13/09/1974**
- Nghề nghiệp: **Làm việc tự do**
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: **thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội.**
- Nơi thường trú: **Đội 14, thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, Tp. Hà Nội.**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001074010077**
- Ngày cấp: **10/07/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Đội 14, thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội.**
- Diện tích<sup>(9)</sup>: **100,0m<sup>2</sup>**
- Giá trị<sup>(10)</sup>: **1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng)**
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: **Chưa có sổ vì chưa làm được thủ tục chuyển đổi đất.**

- Thông tin khác (nếu có): **Không có**

1.1.2. Thừa đất thứ hai: **Không có**

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>:

- Diện tích<sup>(9)</sup>:

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>:

; ngày cấp:

Cơ quan cấp:

; Người đứng tên:

- Thông tin khác (nếu có): **không**

1.2. Các loại đất khác: **Không<sup>(13)</sup>**

*Đỗ Thị Loan*

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Đội 14, thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội.**

- Loại nhà: **Nhà ở riêng lẻ**

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: **100 m<sup>2</sup>**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Chưa có sổ vì chưa làm được thủ tục chuyển đổi đất.**

- Thông tin khác (nếu có): **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác : **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: **Không**

3.1. Cây lâu năm: **Không**

3.2. Rừng sản xuất: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): : **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: **Không**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác<sup>(25)</sup>): **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: **265.000.000đồng**

- Tổng thu nhập của người kê khai: **215.000.000 đồng**

- Tổng thu nhập của chồng: **50.000.000đồng**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung:

*Nguyễn Thị Loan*

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/Giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở:</p> <p>- Địa chỉ<sup>(8)</sup> : <b>Đội 13, thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội.</b></p> <p>- Diện tích<sup>(9)</sup>: <b>44,4m<sup>2</sup></b></p> <p>- Giá trị<sup>(10)</sup>: <b>1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)</b></p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: <b>Số CP023568; ngày cấp: 04/10/2018; Cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hà Nội; Người đứng tên: Đỗ Thị Loan</b></p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p>	- 01 thửa đất	<b>1.000.000.000đ</b> <i>(Một tỷ đồng)</i>	Cho tặng em gái

*Đỗ Thị Loan*

<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup></p>		265.000.000đ	<p>- Thu nhập của người kê khai: 215.000.000đ</p> <p>- Thu nhập của chồng: 50.000.000đồng</p>
--	--	--------------	---

Phúc Lợi, ngày ....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

Phúc Lợi, ngày 29 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**



**Đỗ Thị Loan**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
(Ngày 29 tháng 12 năm 2025)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG** Ngày tháng năm sinh: **06/07/1987**

- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó hiệu trưởng**

- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Hoa Trạng Nguyễn, quận Long Biên.**

- Nơi thường trú: **Số nhà 10, ngõ 56/63 Tổ 29, Phường long biên, TP.Hà Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001187003649**  
Ngày cấp: **25/04/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGÔ BÁ HUÂN** Ngày tháng năm sinh: **23/10/1979**

- Nghề nghiệp: **Đã chết**

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: **Đã chết**

- Nơi thường trú: **Số nhà 10, ngõ 56/63 Tổ 29, Phường long biên, TP.Hà Nội**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Ngô Minh Thanh** Ngày, tháng, năm, sinh: **30/04/2012**

- Nơi thường trú: **Số nhà 10, ngõ 56/63 Tổ 29, Phường long biên, TP Hà**

**Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001312023119**  
Ngày cấp: **18/09/2024;** Nơi cấp: **Bộ công an**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Số nhà 53, ngõ 85 đường Bát Khối, Tổ 28, Phường Long Biên, TP. Hà Nội.**

- Diện tích<sup>(9)</sup>: **52.5m<sup>2</sup>**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **Không xác định**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: **Số CV 182986 Cấp ngày 01/9/2020, UBND quận Long Biên**

**Người đứng tên: Nguyễn Thị Phượng**

- Thông tin khác (nếu có): **Không có**

1.1.2. Thừa đất thứ hai:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup> : **Số nhà 10, ngõ 56/63, Tổ 29, phường Long Biên, thành phố Hà Nội**

- Diện tích<sup>(9)</sup>: **49.3m<sup>2</sup>**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **Không xác định**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: **Số CN 03917; ngày cấp: 18/10/2023; Cơ quan cấp: Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hà Nội; Người đứng tên: Nguyễn Thị Phượng**

- Thông tin khác (nếu có): **không**

1.2. Các loại đất khác: **Không<sup>(13)</sup>**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Số nhà 10, ngõ 56/63, Tổ 2, phường Long Biên, thành phố Hà Nội**

- Loại nhà: **Nhà ở riêng lẻ**

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: **49.3 m<sup>2</sup>**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **Không xác định**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số CN 03917; ngày cấp: 18/10/2023;**

- Thông tin khác (nếu có): **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác : **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: **Không**

3.1. Cây lâu năm: **Không**

3.2. Rừng sản xuất: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: **Tiền gửi ngân hàng: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn)**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): : **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: **Không**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác<sup>(25)</sup>): **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: **Không**  
 9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: **Không**  
 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: **185.000.000đồng**  
 - Tổng thu nhập của người kê khai: **185.000.000đồng**  
 - Tổng thu nhập của chồng: **0 đồng**  
 - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**  
 - Tổng các khoản thu nhập chung: **0 đồng**

### III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>

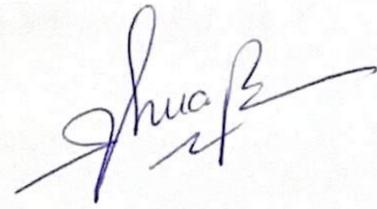
Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp			

*Handwritten signature*

giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup>			185.000.000đ - Thu nhập của người kê khai: 185.000.000đ
---	--	--	---

Phúc Lợi, ngày tháng năm 2025  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

Phúc Lợi, ngày 29 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**



**Nguyễn Thị Phượng**



**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
(Ngày 29 tháng 12 năm 2025)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HỒNG DƯƠNG**; Ngày tháng năm sinh:  
**12/04/1991**

- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Hiệu trưởng**

- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Hoa Trạng Nguyễn, phường Phúc Lợi.**

- Nơi thường trú: **Tổ 2, phường Phúc Lợi, TP Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001191012551**

Ngày cấp: **24/3/2023** Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐÀO VĂN KHỎE** Ngày tháng năm sinh: **14/07/1991**

- Nghề nghiệp: **Công an**

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: **Công an phường Phúc Lợi, Hà Nội**

- Nơi thường trú: **tổ 2, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **001081018986** ngày cấp: **15/9/2024** nơi cấp: **Cục CSQLHCVTXXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **ĐÀO MỸ ANH** Ngày tháng năm sinh: **21/01/2017**

- Nơi thường trú: **Tổ 2, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001317001332**

Ngày cấp: **08/07/2024**; Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

- Họ và tên: **ĐÀO NGỌC AN NHIÊN** Ngày, tháng, năm, sinh: **30/05/2024**

- Nơi thường trú: **Tổ 2, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001324019347**

Ngày cấp: **12/07/2024**; Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Tổ 2, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội**

- Diện tích<sup>(9)</sup>: **45,5m<sup>2</sup>**

*[Handwritten mark]*

- Giá trị<sup>(10)</sup>: *Không xác định.*
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: *Số: CN 556428 ; ngày cấp: 06/06/2018;*  
*Nơi cấp: Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội*  
Người đứng tên: *Nguyễn Thị Hồng Dương và Đào Văn Khỏe*
- Thông tin khác (nếu có): *Không*
- 1.1.2. Thừa đất thứ hai:
  - Địa chỉ<sup>(8)</sup>: *Kim Hồ, Lệ Chi, Hà Nội*
  - Diện tích<sup>(9)</sup>: *43,9m<sup>2</sup>*
  - Giá trị<sup>(10)</sup>: *Không xác định.*
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: *Số: DD291110; ngày cấp: 10/03/2022 ;*  
*Nơi cấp: Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội*  
Người đứng tên: *Nguyễn Thị Hồng Dương và Đào Văn Khỏe*
  - Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: *Không.*
- 1.1.3. Thừa thứ 3 (trở lên): *Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.*
  - Địa chỉ<sup>(8)</sup>: *phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội*
  - Diện tích<sup>(9)</sup>: *45,8m<sup>2</sup>*
  - Giá trị<sup>(10)</sup>: *Không xác định.*
  - Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: *Số: CR 106638; ngày cấp: 04/08/2022;*  
*Nơi cấp: Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội*  
Người đứng tên: *Nguyễn Thị Hồng Dương và Đào Văn Khỏe*
  - Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: *Không.*
- 1.2. Các loại đất khác: *Không* <sup>(13)</sup>
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
  - 2.1. Nhà ở:
    - 2.1.1. Nhà thứ nhất:
      - Địa chỉ: *Tổ 2, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội*
      - Loại nhà<sup>(14)</sup>: *Nhà ở riêng lẻ*
      - Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: *45,5m<sup>2</sup> ( 1 tầng)*
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: *Không xác định*
      - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Số: CN 556428; ngày cấp 06/06/2018; Nơi cấp: Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội*  
Người đứng tên: *Nguyễn Thị Hồng Dương và Đào Văn Khỏe*
      - Thông tin khác (nếu có): *Không*
    - 2.2. Công trình xây dựng khác : *Không*
  - 3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: *Không*

- 3.1. Cây lâu năm: **Không**
- 3.2. Rừng sản xuất: **Không**
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: **Không**
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: **Không**
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): : **Không**
  - 6.1. Cổ phiếu: **Không**
  - 6.2. Trái phiếu: **Không**
  - 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**
  - 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**
- 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:
  - 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: **Không**
  - 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác<sup>(25)</sup>): **Không**
- 8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: **Không**
- 9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: **Không**
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: **366.000.000 đồng**
  - Tổng thu nhập của người kê khai: **162.000.000 đồng**
  - Tổng thu nhập của chồng: **204.000.000 đồng**
  - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**
  - Tổng các khoản thu nhập chung: **0 đồng**

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>**

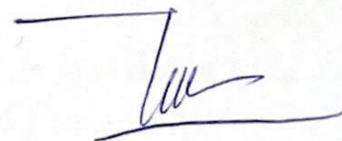
Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

*Handwritten mark*

<p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup></p>		366.000.000đ	<p>- Thu nhập của người kê khai: 162.000.000đ</p> <p>- Thu nhập của chồng: 204.000.000đ</p>
--	--	--------------	---

Phúc Lợi, ngày tháng năm 2025  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

Phúc Lợi, ngày 29 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**



**Nguyễn Thị Hồng Dương**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU**  
(Ngày 29 tháng 12 năm 2025)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN MAI HƯƠNG** Ngày tháng năm sinh: **09/11/2000**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Nhân viên kế toán**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Hoa Trạng Nguyên**
- Nơi thường trú: **Thôn Đào Xuyên, xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001300039597**
- Ngày cấp: **27/10/2025** Nơi cấp: **Bộ Công An**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Hoàng Sơn Tùng** Ngày tháng năm sinh: **18/08/1995**
- Nghề nghiệp: **Lái xe**
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: **Công An Tỉnh Phú Thọ**
- Nơi thường trú: **Khu Đá Trông, xã Đông Lương, tỉnh Phú Thọ**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **025095005926**
- Ngày cấp: **25/09/2024** Nơi cấp: **Bộ Công An**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Hoàng Hải Đăng** Ngày tháng năm sinh: **07/08/2024**
- Nơi thường trú: **Thôn Đào Xuyên, Xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội**
- Số định danh cá nhân: **001224039609**

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: **Không**

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: **Không**

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng: **Không**

- 2.1. Nhà ở: **Không**
- 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: **Không**
3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: **Không**
- 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: **Không**
- 3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: **Không**
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: **Không**
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: **Không**
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**
- 6.1. Cổ phiếu: **Không**
- 6.2. Trái phiếu: **Không**
- 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: **Không**
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: **Không**
8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: **Không có**
9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: **Không có**
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: **188.400.000 đồng**
- Tổng thu nhập của người kê khai: **92.400.000 đồng**
  - Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **96.000.000 đồng**
  - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **0 đồng**
  - Tổng các khoản thu nhập chung: **0 đồng**

..... ngày....tháng....năm....  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Hà Nội.. ngày 29 tháng 12 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**NGUYỄN MAI HƯƠNG**